

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 211/2026/HS-ST

Ngày: 18/8/2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Miến.

Bà Hoàng Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Công - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 200/2026/TLST - HS ngày 15 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 27/12/1989; Số CCCD 001089000778; Nơi đăng ký thường trú: **Số G, tổ A, phường H, thành phố Hà Nội**; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: **Nguyễn Văn C** và bà: **Vũ Thị V**; Vợ: **Phương Thị T1** và có 02 con sinh năm 2012 và 2020 (con năm 2020 là con với bị cáo **T1**);

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phương Thị T1**, sinh năm 1984; Số CCCD 001184008129; Nơi đăng ký thường trú: **Số G, tổ A, phường H, thành phố Hà Nội**; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: **Phương Văn N** và bà: **Nguyễn Thị V1**; Chồng: **Nguyễn Thanh T** và có 04 con: con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2020 (con sinh năm 2020 là con với bị cáo **T**);

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Ông Nguyễn Viết Q, sinh năm 1976; Số CCCD 001076028335.

Địa chỉ thường trú: Thôn G, xã X, thành phố Hà Nội.

Xin vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 11/2016, anh Trần Văn Đ sinh năm 1988 và vợ là chị Lương Thị T2 sinh năm 1992 cùng trú tại thôn Đ, xã T, tỉnh Lào Cai thuê nhà ở địa chỉ tại thôn B, xã H, thành phố Hà Nội của bà Chu Thị L sinh năm 1951 (trú tại: T, phường Ô, thành phố Hà Nội) để mở cửa hàng bán phở có tên "Phở Thủy C1". Khoảng tháng 01/2020, anh Đ và chị T2 có vay của bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nhưng không viết giấy tờ vay mượn. Sau khi quá thời gian hẹn trả nợ, bị cáo T nhiều lần đòi tiền nhưng anh Đ, chị T2 đều khất nợ. Đến ngày 07/02/2021, anh Đ đã chuyển nhượng lại toàn bộ tài sản, đồ dùng bên trong quán phở cho ông Nguyễn Viết Q, sinh năm 1976, trú tại thôn G, xã X, thành phố Hà Nội, có viết giấy chuyển nhượng, rồi cùng T2 bỏ đi đến nay không xác định được nơi ở.

Khoảng 09 giờ ngày 04/5/2021, T điều khiển xe ô tô tải BKS: 29H-194.36 chở T1 đến cửa quán phở "Thủy C1" với mục đích tìm anh Đ và chị T2 đòi nợ nhưng không gặp, liên lạc qua điện thoại cũng không được. Khi đến trước cửa quán P "Thủy C1", T và T1 thấy cửa khóa bên ngoài, bên trong quán không có người trông giữ nên đi hỏi thăm xung quanh thì được biết anh Đ nợ tiền nhiều người nên đã về quê ở Yên Bái (nay là tỉnh Lào Cai). Sau đó, T quay lại quán phở "Thủy C1" thì gặp ông Phan Văn V2, sinh năm 1963, trú tại Đ, tỉnh Bắc Ninh, ở cửa quán. Ông V2 đến quán để tìm chị T2 hỏi một số việc cá nhân. Ông V2 hỏi T "Đến có việc gì?" thì T nói "Vợ chồng anh Đ, chị T2 có nợ tiền cháu nên cháu đến lấy đồ". Lúc này bị cáo T và T1 vẫn không biết việc anh Đ đã chuyển nhượng toàn bộ tài sản bên trong quán cho ông Q. Sau đó, T đi ra xe ô tô lấy chiếc búa có sẵn trên xe rồi sử dụng chiếc búa phá khóa cửa (loại khóa hình chữ U), mở cửa quán đi vào bên trong quán, gọi T1 vào cùng. Ông V2 biết vợ chồng T đến lấy đồ siết nợ nên đã gọi điện thoại trình báo cơ quan Công an xã T (nay là xã H). Lúc này, T và T1 đã tự ý lấy tài sản bên trong quán gồm: 01 (Một) tủ mát, nhãn hiệu ALASKA; 14 (Mười bốn) bàn inox; 38 (Ba mươi tám) ghế inox; 15 (Mười lăm) đĩa sứ, hình bầu dục; 89 (Tám mươi chín) bát loa sứ, màu trắng; 30 (Ba mươi) bát con sứ, màu trắng; 21 (Hai mươi mốt) đĩa nhựa vuông,

màu trắng; 05 (Năm) khay đựng bát bằng nhựa; 01 (Một) nồi cơm điện, vỏ nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu; 02 (Hai) quạt tự chế, cho lên thùng xe ô tô BKS: 29H-194.36. Ông V2 chứng kiến sự việc, do sợ vợ chồng T chuyển đồ đi khỏi quán khi lực lượng Công an chưa đến nên ông V2 đi vào trong quán T4 (Một) ti vi nhãn hiệu SAMSUNG 50inch treo trên tường xuống giữ lại nhằm mục đích kéo dài thời gian để lực lượng Công an đến làm việc thì T đã giằng lấy và bê chiếc ti vi cho lên thùng xe ô tô. Sau đó lực Công an xã H đến đưa tất cả về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) tủ mát, nhãn hiệu ALASKA, số model: LC-2223 Vm, dung tích 210, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) ti vi nhãn hiệu SAMSUNG, số model: UA50NU7400KXXV, màu đen, kích thước 50 inch, sản xuất tháng 10/2018, đã qua sử dụng.

- 14 (Mười bốn) bàn inox, kích thước mặt bàn (1,2x0,6) m, cao 0,7m, đã qua sử dụng.

- 38 (Ba mươi tám) ghế inox, hình trụ tròn, chiều cao 45 cm, đường kính mặt ghế 25cm.

- 15 (Mười lăm) đĩa sứ, hình bầu dục, màu trắng, kích thước (24x18) cm, đã qua sử dụng.

- 89 (Tám mươi chín) bát loa sứ, màu trắng, đường kính miệng bát 16cm, đường kính đáy 10cm, chiều cao 6cm, đã qua sử dụng.

- 30 (Ba mươi) bát con sứ, màu trắng, đường kính miệng bát 11cm, đường kính đáy 05cm, chiều cao 05 cm, đã qua sử dụng.

- 21 (Hai mươi một) đĩa nhựa vuông, màu trắng, chiều dài cạnh 15 cm, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) quạt tự chế, không rõ nhãn hiệu, chiều cao 1,4m, chiều dài cánh quạt 20cm, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) quạt tự chế, không rõ nhãn hiệu, gồm 01 động cơ màu xanh lá, trên thân có chữ 350 gắn kèm cánh quạt màu đỏ, chiều dài cánh quạt 13 cm, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) khóa chữ U, diện (18x17x2)cm, phần móc khóa đã rời khỏi ổ khóa, ổ khóa màu bạc có dòng chữ "AMIMAO", phần móc khóa được bọc lớp cao su màu đỏ.

- 01 (Một) chiếc búa, có đầu búa bằng kim loại hình khối, diện (4x4x15) cm, có cán búa bằng gỗ hình tròn dài 32,5cm, chu vi 10cm.

- 01 (Một) xe ô tô tải BKS: 29H-194.36 số khung: RNHA05KHBJC088807, số máy: J61133404CB.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL- HĐĐGTS ngày 07/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **xã H** kết luận:

- Tổng giá trị của: 01 (Một) tủ mát, nhãn hiệu ALASKA; 01 (Một) ti vi, nhãn hiệu SAMSUNG; 14 (Mười bốn) bàn inox; 38 (Ba mươi tám) ghế inox; 15 (Mười lăm) đĩa sứ, hình bầu dục; 89 (Tám mươi chín) bát loa sứ, màu trắng; 30 (Ba mươi) bát con sứ, màu trắng; 21 (Hai mươi một) đĩa nhựa vuông, màu trắng; 05 (Năm) khay đựng bát bằng nhựa; 01 (Một) nồi cơm điện, vỏ nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu; 02 (Hai) quạt tự chế, không rõ nhãn hiệu có giá trị tại thời điểm ngày 04/5/2021 là 13.759.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng).

- 01 (Một) khóa chữ U, diện (18x17x2)cm, phần móc khóa đã rời khỏi ổ khóa, ổ khóa màu bạc có dòng chữ "AMIMAO", phần móc khóa được bọc lớp cao su màu đỏ có giá trị tại thời điểm ngày 04/5/2021 là 56.000đ (Năm mươi sáu nghìn đồng).

Tại kết luận giám định số 3457/KL-KTHS ngày 12/6/2026 của **V3 - Bộ C2** kết luận: Chữ ký, chữ viết trên Giấy chuyển nhượng quán ăn đề ngày 07/2/2021 (trừ các chữ số không đủ cơ sở kết luận) so với chữ ký, chữ viết của **Trần Văn Đ** trên mẫu so sánh (phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân) do cùng một người ký, viết ra.

Đối với ông **Phan Văn V2** khi tháo chiếc tivi nhãn hiệu SAMSUNG 50inch trên tường xuống mục đích giữ lại để kéo dài thời gian chờ Cơ quan công an đến thì **T** đã giằng chiếc tivi và cho lên thùng xe ô tô. Ông **V2** không có mâu thuẫn gì với các bị cáo, không có mục đích chiếm đoạt chiếc tivi nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý hành vi này của ông **V2**.

Ngày 22/6/2026 Cơ quan điều tra đã trao trả cho ông **Nguyễn Viết Q** quản lý, sử dụng đối với đồ vật gồm: 01 tủ mát, nhãn hiệu ALASKA; 01 ti vi nhãn hiệu SAMSUNG; 14 bàn inox; 38 ghế inox; 15 đĩa sứ hình bầu dục; 89 bát loa sứ màu trắng; 30 bát con sứ màu trắng; 21 đĩa nhựa vuông màu trắng; 05 khay đựng bát bằng nhựa; 01 nồi cơm điện vỏ nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu; 02 quạt tự chế, không rõ nhãn hiệu; 01 khóa chữ U điện (18x17x2)cm, phần móc khóa được bọc lớp cao su màu đỏ và đã rời khỏi ổ khóa, ổ khóa màu bạc có dòng chữ "AMIMAO".

Xe ô tô tải BKS: 29H-194.36 số khung: RNHA05KHBJC088807, số máy: J61133404CB được đăng ký mang tên bị cáo **Nguyễn Thanh T**. Bị cáo **T**, **T1** và ông **Phương Văn N** (bố đẻ bị cáo **T1**) đều khai nhận tháng 01/2019 ông **N** mua xe ô tô này mục đích để cho con trai là **Phương Văn N1** nhưng nhờ bị cáo **T** đứng tên trên đăng ký xe. Do chưa muốn đưa xe cho con trai nên ông **N** đã giao xe cho vợ chồng bị cáo **T** - Thanh quản lý, sử dụng đi chợ bán hàng. Ông **N** không biết việc các bị cáo sử dụng xe ô tô đi đến quán phở "**Thủy C1**" thực hiện

hành vi phạm tội. Ngày 06/8/2021, Cơ quan điều tra đã trao trả xe ô tô nêu trên cho ông N.

Đối với 01 chiếc búa bằng kim loại hình khối, diện (4x4x15)cm, có cán búa bằng gỗ hình tròn dài 32,5cm, chu vi 10cm đang được bảo quản tại kho vật chứng Cơ quan điều tra Công an thành phố H.

Về trách nhiệm dân sự: Mặc dù ông Nguyễn Viết Q đã được nhận lại các đồ vật mà bị cáo T – T1 lấy nhưng các bị cáo vẫn tự nguyện bồi thường cho ông Q số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để khắc phục hậu quả. Ông Q không có yêu cầu gì khác về phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo T còn có hành vi dùng búa đập, phá chiếc khóa cửa hình chữ U được khóa tại cửa quán phở “Thủy C1”. Chiếc khóa có giá trị 56.000đ (Năm mươi sáu nghìn đồng). Tại thời điểm thực hiện hành vi đập, phá chiếc khóa này thì T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi hủy hoại tài sản nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội hủy hoại tài sản theo Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Đến nay thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thanh T và Phương Thị T1 đã khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản của bản thân, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được.

Bản cáo trạng số 65/CT – VKSKV10 ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T và Phương Thị Thanh T3 Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T và Phương Thị T1 phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị: xử phạt Nguyễn Thanh T từ 12 (Mười hai) tháng tù đến 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án; Xử phạt Phương Thị T1 từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án

+ Trách nhiệm dân sự: Không.

+ Vật chứng: Tại phiên tòa ông **Phương Văn N** xác nhận có cho hai vợ chồng bị cáo **T – T1** đứng tên đăng kí chiếc xe ô tô tải BKS: 29H-194.36 nhưng chưa quyết định cho bị cáo **T1** nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông **N**. Do đó, Viện kiểm sát không đề nghị xem xét. Đề nghị tịch thu tiêu huỷ đối với chiếc búa mà bị cáo **T** sử dụng để phá khoá cửa quán phở.

+ Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – **Công an thành phố H**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai báo và không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 04/5/2021 tại quán phở "**Thủy C1**" ở **thôn B, xã H, thành phố Hà Nội**, bị cáo **Nguyễn Thanh T** và **Phương Thị T1** đã có hành vi lấy trộm của ông **Nguyễn Viết Q** 01 (một) tủ mát nhãn hiệu ALASKA; 01 (một) ti vi nhãn hiệu SAMSUNG; 14 (mười bốn) bàn inox; 38 (ba mươi tám) ghế inox; 15 (mười lăm) đĩa sứ hình bầu dục; 89 (tám mươi chín) bát loa sứ màu trắng; 30 (ba mươi) bát con sứ màu trắng; 21 (hai mươi một) đĩa nhựa vuông màu trắng; 05 (năm) khay đựng bát bằng nhựa; 01 (một) nồi cơm điện vỏ nhựa màu đỏ, không rõ nhãn hiệu; 02 (hai) quạt tự chế, không rõ nhãn hiệu. Tổng trị giá tài sản là 13.759.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng).

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo mang tính bộc phát, không có sự chuẩn bị từ trước. Mục đích ban đầu của các bị cáo không phải đến quán phở để trộm cắp tài sản mà là để gặp vợ chồng anh **Trần Văn Đ** – chị **Lương Thị T2** đòi nợ. Đến nơi, hai bị cáo không gặp được **Đ – T2**, cũng không liên lạc được với họ qua điện thoại

và không biết được việc Đ – T2 đã chuyển nhượng hết các tài sản trong quán phở cho ông Q. Khi thấy hàng xóm nói do nợ tiền nhiều người nên Đ – T2 đã bỏ trốn thì bị cáo T mới nảy sinh ý định vào lấy tài sản của Đ – T2 ở trong quán phở để trừ tiền nợ (bị cáo vẫn nghĩ quán phở là của Đ – T2). T đã sử dụng chiếc búa có sẵn trên xe ô tô của mình để phá khoá cửa quán, vào bên trong quán, gọi bị cáo T1 cùng vào bê các đồ vật có trong quán lên xe ô tô với mục đích để thu hồi nợ. Vì nhận thức pháp luật còn hạn chế nên cách thức thu hồi nợ như vậy là không hợp pháp dẫn đến hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi của các bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo nói riêng cũng như để phòng ngừa tội phạm nói chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, không có kế hoạch từ trước, không chuẩn bị công cụ; thực hiện hành vi với suy nghĩ là lấy đồ đạc của Đ – T2 trong quán phở để thu hồi nợ. Bị cáo T đã dùng búa phá khoá cửa quán, gọi T1 đi vào quán bê 1 khay đựng bát đĩa ra xe ô tô nên mức hình phạt áp dụng đối với T cao hơn bị cáo T1.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tài sản đã được thu hồi ngay tại hiện trường và trả lại cho ông Q nhưng các bị cáo vẫn tự nguyện bồi thường cho ông Q số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Ông Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác trong thời gian tại ngoại nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo cơ hội được cải tạo ngoài xã hội, sửa chữa sai lầm của bản thân.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Q đã được nhận lại tài sản và cũng được các bị cáo bồi thường, không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng: 01 chiếc búa bằng kim loại hình khối, diện (4x4x15)cm, có cán búa bằng gỗ hình tròn dài 32,5cm, chu vi 10cm là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thanh T và Phương Thị T1 phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Phương Thị T1 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 14 (Mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thanh T và Phương Thị T1 cho UBND phường H, thành phố Hà Nội giám sát các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc búa bằng kim loại hình khối, đã qua sử dụng, diện (4x4x15)cm, có cán búa bằng gỗ hình tròn dài 32,5cm, chu vi 10cm. Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H theo Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 04/5/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T (cũ), thành phố Hà Nội.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh T, Phương Thị T1 mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hà Nội;
- Công an TP.Hà Nội;
- VKSND Khu vực 10, HN;
- THADS TP.Hà Nội;
- UBND phường Hoàng Mai, TP.Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; VPTA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dânThẩm phán - Chủ tọa phiên toà

